

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ**  
**TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đàm Nhân Trác;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quang Liêm;

Bà Nguyễn Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Bị đơn:* Anh Đoàn Quang T, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Người làm chứng:*

+ Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1957;

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Đoàn Thị X, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị L vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh T và những người làm chứng đều vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Đoàn Quang T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2013. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, anh T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng về nhà chửi, đánh vợ con. Cuối năm 2018, sau nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn, chị Thơ không chịu đựng được nữa nên đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, giữa chị L và anh T không quan tâm và thăm hỏi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Cẩm Tú, sinh ngày 16/02/2014, hiện đang ở với chị L. Ly hôn, chị L xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L, anh T để giao thông báo thụ lý vụ án cho hai anh chị, ngay sau đó giữa hai anh chị xảy ra bất đồng quan điểm nên anh T đã bỏ về, anh T không ký vào biên bản giao nhận thông báo thụ lý vụ án, không viết bản tự khai. Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc về anh T bỏ về để làm căn cứ tiếp tục giải quyết vụ án.

Toà án đã đến gia đình anh T để tổng đạt trực tiếp: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơn nhưng anh T không có mặt ở nhà. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Đoàn Thị X (là em gái của anh T đang ở cùng nhà với anh T) nhận thay, chị X đã thông báo cho anh T biết toàn bộ nội dung Thông báo thụ lý vụ án của TAND huyện Tứ Kỳ, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị L và giấy triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến làm việc, không tham gia hòa giải.

Kết quả làm việc với chị X (em gái anh T) xác định: Chị L và anh T kết hôn tự nguyện được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh T, chị L ở cùng với mẹ chồng, chị cũng sống cùng gia đình với mẹ và vợ chồng anh T; cuộc sống hôn nhân của anh T và chị L sống không hạnh phúc, anh T đi làm xa cuối tuần mới về thăm vợ con nhưng lần nào về vợ chồng anh chị cũng đều xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân do anh chị tìm hiểu nhau trước khi cưới thời gian quá ngắn, về sống với nhau không có tình cảm, bất đồng quan điểm, không quan tâm và chia sẻ công việc, kinh tế với nhau. Chị L đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau. Hiện anh T đi làm tự do, cuối tuần hoặc giữa tuần anh T có về thăm nhà rồi lại tiếp tục đi làm. Do anh T không nhận thông báo thụ lý vụ án, không ký

vào các biên bản giao nhận nên Tòa án đã giao cho chị X là em gái, ở cùng nhà với anh T, chị X đã thông báo toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T biết, anh T có trao đổi với chị do vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn và nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung nhưng do công việc bận nên không về tòa làm việc.

Kết quả làm việc với ông Trịnh Văn L (bố đẻ chị L) cũng xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Anh T đi làm xa ít khi về nhà, vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm tới nhau, anh T đi làm không đưa tiền về cho chị L, áp lực về lo toan kinh tế và áp lực trong cuộc sống vợ chồng, mẹ chồng nàng dâu, các em chồng. Cuối năm 2018, chị L đã đưa con về sống cùng gia đình ông. Nay chị L xin ly hôn anh T và xin được nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T.

Tòa án tiến hành làm việc với chính quyền UBND xã P, đại diện Hội Phụ nữ và Trưởng thôn N, xã P đều được cung cấp: Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng với mẹ đẻ của anh T tại thôn N. Cuối năm 2018, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã C, huyện T, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân là do anh T chơi bời, về nhà đánh chửi chị L, mặt khác, chị L chịu nhiều áp lực gia đình, mối quan hệ con dâu – mẹ chồng và các em chồng không được tốt. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh chị.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Đoàn Quang T; Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị L được nuôi dưỡng con chung Đoàn Cẩm Tú, sinh ngày 16/02/2014 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ

chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Đoàn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T ngày 13/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị L trình bày là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, anh T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, thường xuyên chửi đánh chị L, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, chị L phải lo toan, gánh vác mọi việc chi tiêu trong gia đình. Mặt khác mối quan hệ giữa mẹ chồng- nàng dâu, chị dâu – em chồng không được tốt, nên thường gây áp lực cho chị L. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể xã P. Anh T đã đến Tòa án làm việc và đã được Tòa án trực tiếp giao thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không nhận và không ký vào biên bản cấp tổng đạt, cán bộ Tòa án đã đến gia đình anh T để giao các văn bản của Tòa cho anh T, anh T cũng đã được chị X là em gái thông báo về việc Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L. Mặc dù anh T biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị L và yêu cầu anh T đến Tòa án làm việc theo các văn bản tố tụng đã được giao cho người thân, tuy nhiên anh T vẫn cố tình trốn tránh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và tham gia hòa giải, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cũng không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng đã ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Cẩm Tú, sinh ngày 16/02/2014, hiện đang ở với chị L. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị L, thấy rằng: Cháu Tú ở với chị L từ nhỏ, khi vợ chồng ly thân,

cháu Tú vẫn do chị L nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Thông qua đại diện gia đình, anh T có quan điểm cũng nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đoàn Cẩm Tú cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trịnh Thị L ly hôn anh Đoàn Quang T.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Trịnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đoàn Cẩm Tú, sinh ngày 16/02/2014 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0009871 ngày 17/7/2020.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Trịnh Thị L, anh Đoàn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã P, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Nhân Trác**